

Tác động của chính sách công nghiệp đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp

ĐỖ VĂN PHÚC
NGUYỄN VĂN THÀNH

Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp công nghiệp (DNCN) là yếu tố trực tiếp đảm bảo cho sự thành công của sự nghiệp CNH, HDH và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Như vậy muốn phát triển công nghiệp cần thiết phải phát triển các DNCN, mà thực chất là nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCN, chứ không chỉ đơn thuần là phát triển về số lượng các DNCN. Vì vậy khả năng cạnh tranh của DNCN có vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách, là đối tượng tác động chủ yếu của chính sách công nghiệp và chính khả năng cạnh tranh của DNCN sẽ quyết định đến hiệu quả, thành công của chính sách công nghiệp trong thực tiễn. Do đó hoạt động thực tiễn của DNCN là những căn cứ quan trọng phản ánh thực tiễn cạnh tranh thị trường để chính sách công nghiệp điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện. Đây là mối quan hệ biện chứng giữa chính sách công nghiệp và khả năng cạnh tranh của DNCN trong nền kinh tế thị trường.

Đánh giá hiệu quả của chính sách công nghiệp là vấn đề quan trọng trong quá trình xây dựng và thực thi chính sách. Nhưng thực tế, việc đánh giá này gặp nhiều khó khăn vì chính sách công nghiệp có các tác động phức tạp, trên phạm vi rộng với nhiều loại đối tượng khác nhau, nên không thể đánh giá hết được các chi phí và lợi ích thu được, hơn nữa việc này đòi hỏi tốn rất nhiều công sức và nguồn lực để thực hiện. Cấp vĩ mô thường sử dụng một số chỉ số như tỷ trọng của ngành công nghiệp trong cơ cấu

GDP, tốc độ tăng trưởng sản xuất công nghiệp bình quân... Tuy nhiên, những chỉ số này chưa phản ánh được đầy đủ thực tế cạnh tranh khốc liệt trên thị trường của các DNCN nên chưa phát huy được vai trò tiềm năng nội tại quan trọng của chính sách công nghiệp trong nền kinh tế thị trường.

Chính sách công nghiệp (CSCN) tác động đến khả năng cạnh tranh của DNCN bằng 2 cách thức cơ bản: (1) Tác động gián tiếp bằng cách thiết lập và vận hành môi trường kinh doanh đảm bảo cho các DNCN hoạt động bình đẳng, phù hợp với thông lệ quốc tế với chi phí thấp nhất có thể. Đây là cách thức tác động chủ yếu của chính sách công nghiệp hiện nay và tương lai cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế; (2) Tác động trực tiếp đến các yếu tố tạo nên khả năng cạnh tranh của DNCN như hỗ trợ nâng cao hiệu quả tài chính doanh nghiệp hoặc hỗ trợ xúc tiến phát triển thị trường... Cách tác động này sẽ dần bị loại bỏ do không phù hợp với quy định của quốc tế trong hội nhập kinh tế quốc tế.

Bài viết này trình bày kết quả điều tra theo cách thức tác động của CSCN đến hoạt động của các DNCN Việt Nam hiện đang hoạt động theo Luật DNNN, Luật DN, Luật HTX và Luật ĐTNN trên địa bàn Hải Phòng để có những thông tin định lượng có tính thời sự cao về hiệu quả tác động của CSCN đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCN, từ đó có căn cứ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CSCN. Kết quả điều tra đã

Đỗ Văn Phúc PGS. TS; Nguyễn Văn Thành, Ths.
Trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội.

làm rõ và xác định những yếu tố cơ bản đang có tác động tích cực, nhận diện những hạn chế của CSCN hiện nay, từ đó đề xuất một số giải pháp cơ bản góp phần nâng cao hiệu quả của CSCN trong việc hỗ trợ DNCN nâng cao khả năng cạnh tranh.

1. Một số nhận xét tổng quan về tác động của chính sách công nghiệp

Sự dịch chuyển cơ cấu GDP của Việt Nam theo hướng tăng dần tỷ trọng của ngành công nghiệp, năm 2003 ngành công nghiệp có tỷ trọng 39,97% so với 38,13% của năm 2001⁽¹⁾, có xu hướng đạt được mục tiêu Việt Nam về cơ bản trở thành nước công nghiệp vào những năm 2020 là một trong những thành công, có sự đóng góp quan trọng của chính sách công nghiệp. Trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH và hội nhập kinh tế quốc tế, việc nhanh chóng hoàn thiện hệ thống

pháp luật để vận hành môi trường kinh doanh bình đẳng với chi phí thấp nhất để các DNCN hoạt động luôn là mục tiêu quan trọng của chính sách công nghiệp. Bảng 1 cho thấy tốc độ tăng bình quân cao về số lượng DNCN Việt Nam đạt 20,5%/năm so với năm trước⁽²⁾. Nhưng về chất lượng hoạt động của DNCN chưa đạt được kết quả mong muốn, khi mà tỷ suất lợi nhuận trên vốn, là một chỉ số quan trọng thể hiện hiệu quả sản xuất - kinh doanh của đa số DNCN ở mức thấp khi so sánh với lãi suất ngân hàng, đặc biệt ngành công nghiệp chế biến có tỷ suất trung bình quá thấp, đạt khoảng 4%/năm, với 20% số DNCN bị thua lỗ. Như vậy về thực chất, hiệu quả tác động của chính sách công nghiệp đến các DNCN chưa đáp ứng yêu cầu đề ra.

BẢNG 1. Một số chỉ tiêu cơ bản đánh giá hoạt động của DNCNVN

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2000	Năm 2001	Năm 2002
1. Số DNCN bị lỗ	DN	2.713	3.389	3.928
2. Tỷ lệ so với tổng số DNCN	%	24,8	25,8	24,8
3. Tổng mức lỗ	Tỷ đồng	6.294	5.055	5.721
4. Lỗ bình quân 1 DN	"	2,3	1,5	1,5
5. Tổng mức lỗ so với tổng mức lãi	%	17,3	13,2	12,1
6. Số DNCN có lãi	DN	7.959	8.680	11.390
7. Tỷ lệ so với tổng số DNCN	%	72,8	66,1	71,8
8. Tổng mức lãi	Tỷ đồng	36.485	38.158	47.305
9. Lãi bình quân 1 DN	"	4,6	4,4	4,2
10. Tổng mức lãi so với doanh thu	%	11,6	10,2	10,3
11. Nguồn vốn có đến 31/12	Tỷ đồng	353.161	399.486	493.218
12. Tỷ suất lợi nhuận / vốn SXKD	%			
- Công nghiệp khai khoáng	"	45,737	46,973	44,016
- Công nghiệp chế biến	"	2,752	3,252	4,034
- Sản xuất, phân phối điện, nước	"	1,781	2,762	3,039

(Nguồn: [2; tr.48, tr.175-183, tr.209-216])

2. Về tác động của chính sách công nghiệp đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCNVN

Hình thành và vận hành môi trường kinh doanh bình đẳng, với chi phí thấp nhất có thể cho các DNCN hoạt động là một mục tiêu quan trọng của chính sách công nghiệp. Thời gian qua, chính sách công nghiệp đã có những đóng góp quan trọng, tuy nhiên còn

một số nội dung sau cần được điều chỉnh, bổ sung trong quá trình xây dựng chính sách công nghiệp:

2.1. Về việc phổ biến thông tin pháp lý.

Thông tin về chính sách công nghiệp có vai trò rất quan trọng đến hoạt động sản xuất - kinh doanh của DNCN, nhất là trong điều kiện Việt Nam đang trong quá trình xây dựng và hoàn thiện luật pháp.

Phân tích bảng 2 cho thấy, việc phổ biến chính sách pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa kịp thời đáp ứng những nhu cầu của DNCN. Thật vậy có 54,2% ý kiến cho rằng họ không có hoặc không nhận được kịp thời các văn bản pháp lý có liên quan, nếu có nhận được hay có được thông tin này thì chủ yếu lại không phải từ con đường chính thức (công báo nhà nước), mà từ các phương tiện thông tin đại chúng (53,4%) hay tự thu thập khi cần thiết (63,7%). Một vấn đề khác cần được quan tâm là có 47,5% DNCN không biết đến quy trình xây dựng CSCN và có 84% ý kiến cho rằng họ phải được

tham gia vào quá trình xây dựng CSCN. Điều này cho thấy lý do tại sao CSCN chưa đạt được hiệu quả mong muốn trong thực tiễn là vì đối tượng thực hiện chủ yếu là DNCN chưa được coi trọng. Kinh nghiệm của Nhật Bản cho thấy việc tham gia của các nhà hoạch định chính sách, các DN và các nhà khoa học ngay từ khi xây dựng chính sách sẽ đảm bảo cho chính sách được xây dựng có tính thực tiễn cao và tạo nên sự đồng bộ, nên triển khai nhanh chóng, có hiệu quả ngay vì các chủ thể có liên quan đều biết được những lợi ích của mình khi thực hiện chính sách.

BẢNG 2: Ý kiến của DNCN về quy trình xây dựng chính sách công nghiệp và các văn bản pháp lý có liên quan

Nội dung	Số ý kiến của doanh nghiệp	Tỷ lệ (%)
1. Nhận các văn bản của Nhà nước liên quan đến ngành kinh doanh của DN		
▪ Kịp thời	66/150	45,8
▪ Không kịp thời	54/150	37,5
▪ Không nhận được	30/150	16,7
2. Nhận văn bản từ nguồn:		
▪ Công báo chính phủ	48/150	32,9
▪ Thông tin đại chúng	78/150	53,4
▪ Tự thu thập khi cần thiết	93/150	63,7
3. Quy trình xây dựng chính sách công nghiệp		
▪ Có biết	74/150	52,5
▪ Không biết	67/150	47,5
4. Sự cần thiết phải tham gia quy trình xây dựng chính sách công nghiệp		
▪ Cần thiết	126/150	84,0
▪ Không cần thiết	24/150	16,0

2.2. Về công tác xây dựng hệ thống pháp luật.

Hệ thống pháp luật đầy đủ để vận hành môi trường kinh doanh cho DNCN hoạt động bình đẳng là hết sức cần thiết, đảm bảo tạo nên khả năng cạnh tranh của DNCN. Đây là một nội dung quan trọng thể hiện cách thức tác động của chính sách công nghiệp hỗ trợ các DNCN trong nền kinh tế thị trường, theo định hướng XHCN. Bảng 3 cho thấy một số luật cơ bản như Luật Lao động, Luật DN hay các luật thuế nhận được

sự chấp nhận của đa số DNCN. Tuy nhiên kết quả điều tra cũng cho thấy: CSCN chưa thể hiện được đầy đủ chức năng định hướng hoạt động cho các DNCN (34% ý kiến cho rằng công tác xây dựng chiến lược và quy hoạch phát triển vùng, ngành và sản phẩm chưa hiệu quả), nhất là việc thực thi của các cơ quan chức năng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của DNCN với 42% ý kiến đánh giá chưa thuận lợi. Vì vậy, chưa tạo thế chủ động cho DNCN phát triển thị trường và sản xuất - kinh doanh.

BẢNG 3: Kết quả điều tra về tác động của các yếu tố thể chế của chính sách công nghiệp đến khả năng cạnh tranh DNCN

Các yếu tố thể chế được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Thuận lợi	Bình thường	Chưa thuận lợi
1. Luật Lao động	26,2	59,6	14,2
2. Luật DN, DNNN, HTX	39,4	52,3	8,3
3. Luật Khuyến khích đầu tư trong nước	24,5	61,2	14,3
4. Luật Đầu tư nước ngoài	15,9	68,2	15,9
5. Luật về bảo vệ và sở hữu trí tuệ	26,5	57,8	15,7
6. Luật Phá sản doanh nghiệp	20,2	57,8	22,0
7. Pháp lệnh hợp đồng kinh tế	35,4	55,9	8,7
8. Luật thuế VAT, thu nhập DN và cá nhân, tài nguyên	23,8	46,0	30,2
9. Luật Bảo vệ môi trường	19,8	66,1	14,0
10. Luật Cạnh tranh, chống độc quyền	21,4	64,1	14,6
11. Luật Đất đai	19,3	53,8	26,9
12. Luật Thuế xuất nhập khẩu	20,2	59,6	20,2
13. Luật Khoa học và công nghệ	17,2	71,7	11,1
14. Quy định về kiểm tra, kiểm toán	15,5	68,2	16,4
15. Chiến lược phát triển vùng, ngành, sản phẩm	16,0	50,0	34,0
16. Quy hoạch vùng, ngành, sản phẩm	15,0	51,0	34,0
17. Lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế	21,6	56,9	21,6
18. Thực thi của cơ quan công quyền	10,1	47,9	42,0

2.3. Về công tác hoàn thiện thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính nhằm nâng cao sự hấp dẫn của môi trường kinh doanh và giảm chi phí cho các DN là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Nhưng kết quả điều tra tại bảng 4 cho thấy: thủ tục hành chính tiếp tục là vấn đề bức xúc, về cơ bản

thực sự chưa tạo thuận lợi cho hoạt động của DNCN nên nhận được sự quan tâm nhiều nhất hiện nay. Đây cũng là nguyên nhân làm tăng chi phí, thậm chí làm mất cơ hội kinh doanh của DNCN, trong đó quan tâm là các thủ tục hành chính về địa chính (52,9%), xây dựng cơ bản (55,5%) và vay vốn tín dụng (53,3%).

BẢNG 4: Kết quả điều tra về tác động của thủ tục hành chính đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh và hoạt động của DNCN

Các yếu tố thủ tục hành chính được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Thuận lợi	Bình thường	Chưa thuận lợi
1. Thủ tục thuế	22,0	53,9	24,1
2. Thủ tục địa chính, đất đai	8,0	39,1	52,9
3. Thủ tục hải quan	16,8	58,4	24,8
4. Thủ tục vay vốn tín dụng	11,7	35,0	53,3
5. Thủ tục đầu tư xây dựng cơ bản	5,9	38,7	55,5
6. Thủ tục đăng ký kinh doanh	51,1	46,7	2,2
7. Thủ tục đăng ký chất lượng sản phẩm	33,1	59,8	7,1
8. Thủ tục chuyển giao công nghệ	17,2	73,3	9,5
9. Thủ tục thuê, tuyển lao động	28,8	57,6	13,7
10. Thủ tục hợp chuẩn chất lượng sản phẩm	17,1	71,8	11,1

2.4. Về hỗ trợ phát triển thị trường và thông tin thị trường.

Ngoài sự nỗ lực, chủ động của bản thân

DNCN khi tham gia cạnh tranh trên thị trường thì việc hỗ trợ của CSCN, nhất là thông tin thị trường để DNCN củng cố, giữ

vững và mở rộng thị trường mục tiêu là vấn đề rất cần thiết, nhất là khi đa số các DNCN có tiềm lực tài chính yếu. Bảng 5 cho thấy về cơ bản CSCN chưa tập trung hỗ trợ có trọng điểm nên hiệu quả chưa cao, với 55,9% ý kiến cho rằng chi phí hỗ trợ phát triển thị trường

chưa đáp ứng được yêu cầu, cụ thể ở một số yếu tố như xây dựng thương hiệu quốc gia (30,6%), giúp DN thu thập và xử lý thông tin thị trường (35%) và có 46,4% ý kiến cho rằng cơ chế cấp hạn ngạch phức tạp, không đảm bảo cơ hội bình đẳng cho các DNCN tiếp cận.

BẢNG 5. Kết quả điều tra về tác động hỗ trợ đến việc phát triển thị trường và thông tin thị trường của DNCN

Các yếu tố được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Hiệu quả	Bình thường	Chưa hiệu quả
1. Chiến lược về XNK và thị trường	18,6	57,5	23,9
2. Xúc tiến ở thị trường mục tiêu	12,1	56,0	31,9
3. Thu thập, phân tích thông tin thị trường	12,0	53,0	35,0
4. Tham gia giao lưu quốc tế	13,4	50,0	36,6
5. Thông tin về công nghệ	14,3	58,8	26,9
6. Thông tin về đối thủ cạnh tranh	13,6	52,5	33,9
7. Thông tin sản phẩm cạnh tranh	14,3	53,8	31,9
8. Hỗ trợ chi phí phát triển thị trường	7,6	36,4	55,9
9. Xây dựng thương hiệu quốc gia và DN	17,1	52,3	30,6
10. Cơ chế cấp hạn ngạch	2,1	51,5	46,4

2.5. Về hỗ trợ nâng cao chất lượng nhân lực và trình độ quản lý.

Chất lượng nguồn nhân lực cùng với trình độ quản lý ở tầm khu vực và quốc tế luôn là yếu tố cơ bản quyết định đến hiệu quả và khả năng cạnh tranh của DNCN cũng như sự thành công của CSCN hiện nay và trong tương lai. Nói cách khác, thị trường lao động có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của DNCN là một nội dung rất quan trọng của CSCN hiện nay.

Tuy nhiên, kết quả điều tra tại bảng 6 cho thấy có đến 32,5% ý kiến của DNCN cho rằng việc xây dựng và vận hành thị trường lao động chưa có hiệu quả, và đã làm rõ được một số yếu tố quan trọng hạn chế khác của CSCN như: chính sách thu hút đối với người có trình độ cao (38,8%), cơ chế liên kết giữa DN với cơ sở đào tạo (43,3%), đào tạo nâng cao trình độ quản lý (27%) và hỗ trợ xây dựng chứng chỉ quản lý quốc tế (25,4%).

BẢNG 6: Kết quả điều tra về tác động hỗ trợ đến việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và trình độ quản lý của DNCN

Các yếu tố được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Hiệu quả	Bình thường	Chưa hiệu quả
1. Tư vấn về chính sách lao động	14,8	58,6	26,6
2. Vận hành thị trường lao động	6,5	61,0	32,5
3. Quan hệ giữa DN với cơ sở đào tạo	11,8	44,9	43,3
4. Chế độ lương và thu nhập	14,5	61,8	23,7
5. Quy định về điều kiện làm việc	15,6	71,9	12,5
6. Quy định bảo hiểm xã hội, y tế	18,3	53,4	28,2
7. Hỗ trợ cho đào tạo nhân lực	8,7	35,7	55,7
8. Tiêu chuẩn chức danh cán bộ	16,4	59,8	23,8
9. Chế độ ưu đãi đối với người có trình độ cao	18,2	43,0	38,8
10. Quyền tuyển dụng, thôi việc	20,8	62,4	16,8
11. Đào tạo-nâng cao trình độ quản lý	22,1	50,8	27,0
12. Hỗ trợ xây dựng các chứng chỉ quốc tế về quản lý	20,2	54,4	25,4

2.6. Về hỗ trợ nâng cao hiệu quả tài chính của DNCN.

CSCN thường sử dụng một số biện pháp chủ yếu như miễn, giảm thuế xuất nhập khẩu, cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay vốn... Tuy nhiên, cùng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế thì các biện pháp này cũng cần được điều chỉnh theo hướng loại bỏ dần để phù hợp với thông lệ quốc tế.

Bảng 7 cho thấy có 45,9% ý kiến cho rằng quy định thế chấp hiện nay gây khó khăn vì đa số DNCN có quy mô vừa và nhỏ, có tiềm lực tài chính yếu và DNCN thường phải huy động vốn ở các thị trường phi chính thức với lãi suất cao (35,5%) nên làm giảm hiệu quả kinh doanh. Nguyên nhân chính là CSCN chưa tạo ra được thị trường vốn có hiệu quả (42,9%) cho DNCN.

BẢNG 7: Kết quả điều tra về tác động hỗ trợ nâng cao hiệu quả tài chính DNCN

Các yếu tố được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Hiệu quả	Bình thường	Chưa hiệu quả
1. Tư vấn về chính sách tài chính - tiền tệ	8,9	54,5	36,6
2. Cho vay vốn lưu động	16,1	46,8	37,1
3. Xây dựng, vận hành thị trường vốn	4,5	52,7	42,9
4. Quy định về tài sản thế chấp	8,2	45,9	45,9
5. Thuế suất VAT	18,5	63,8	17,7
6. Thuế suất thu nhập DN	10,3	72,2	17,5
7. Thuế suất xuất nhập khẩu	11,4	67,6	21,0
8. Thuế thu nhập cá nhân	4,5	70,9	24,5
9. Tiền thuê đất	10,8	68,3	20,8
10. Miễn giảm thuế đối với DN	27,0	45,9	27,0
11. Chính sách quản lý về ngoại hối	10,0	72,0	18,0
12. Quy định mức chi trong quản lý	8,8	63,7	27,4
13. Hệ thống chứng từ tài chính, kế toán	19,5	69,9	10,6
14. Lãi suất cho vay	10,5	54,0	35,5

2.7. Về hỗ trợ nâng cao trình độ công nghệ của DN.

Bảng 8 cho thấy 33% ý kiến DNCN cho rằng thị trường công nghệ với môi trường thuận tiện để nâng cao phát triển trình độ công nghệ còn ở mức sơ khai. Ngoài ra, sự

hỗ trợ của CSCN còn chưa đáp ứng yêu cầu nâng cao trình độ công nghệ của DNCN, nhất là vấn đề hỗ trợ hoạt động R&D (43,3%), thông tin dự báo chuyên đề công nghệ (36,9%), tư vấn lựa chọn công nghệ (35,7%).

BẢNG 8: Kết quả điều tra tác động hỗ trợ nâng cao trình độ công nghệ của DNCN

Các yếu tố được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Hiệu quả	Bình thường	Chưa hiệu quả
1. Vận hành thị trường công nghệ	12,5	54,5	33,0
2. Nâng cấp cơ sở hạ tầng quốc gia	19,6	45,5	34,8
3. Quy định bảo hộ sở hữu trí tuệ	13,4	50,9	35,7
4. Quy định chuyển giao công nghệ	9,6	67,5	22,8
5. Tư vấn lựa chọn công nghệ	15,2	49,1	35,7
6. Hỗ trợ từ NSNN cho R&D	10,6	46,2	43,3
7. Quy định tiêu chuẩn công nghệ	10,0	62,7	27,3
8. Thông tin dự báo chuyên đề	3,6	59,5	36,9

2.8. Về chính sách công nghiệp do thành phố Hải Phòng ban hành.

Căn cứ vào thẩm quyền của địa phương, Hải Phòng đã sử dụng thêm một số biện

pháp ưu đãi để thu hút và hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCN khi đầu tư trên địa bàn Hải Phòng. Theo kết quả điều tra ở bảng 9 thì một số biện pháp hỗ trợ đang

được áp dụng chưa đạt hiệu quả như mong muốn trên thực tế, ví dụ như việc hỗ trợ kinh phí lập dự án đầu tư (46%), hỗ trợ vay vốn và lãi suất sau đầu tư (42,2%), đảm bảo cơ sở hạ tầng đến chân hàng rào (35,5%) và đặc biệt là cơ chế "một cửa" trong cải cách hành chính

(39,7%) chưa thực sự phát huy hiệu quả. Vì vậy có đến 45,4%⁽³⁾ ý kiến của DNCN cho rằng: về tổng thể các biện pháp khuyến khích của Hải Phòng chưa thực sự là yếu tố cơ bản có thể tạo nên môi trường hấp dẫn các DNCN so với các địa phương lân cận.

BẢNG 9: Kết quả điều tra tác động của chính sách công nghiệp của Hải Phòng đến khả năng cạnh tranh của DN công nghiệp trên địa bàn

Các yếu tố được đề cập	Số ý kiến đánh giá tác động ở mức (%):		
	Hiệu quả	Bình thường	Chưa hiệu quả
1. Hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng	20,0	45,2	34,8
2. Đảm bảo cơ sở hạ tầng đến chân hàng rào	22,7	41,8	35,5
3. Hỗ trợ kinh phí lập dự án đầu tư	14,2	39,8	46,0
4. Hỗ trợ tiền thuê đất	24,5	42,7	32,7
5. Hỗ trợ đào tạo lao động	17,4	43,5	39,1
6. Hỗ trợ vay vốn, lãi suất sau đầu tư	24,1	33,6	42,2
7. Cấp lại tiền thuế TNDN mà ngân sách được hưởng	21,8	44,6	33,7
8. Cấp lại tiền thuế VAT mà ngân sách được hưởng	23,1	49,0	27,9
9. Cung cấp các văn bản pháp quy cho DN	22,5	42,5	35,0
10. DN có quyền phản ánh trực tiếp hoặc gián tiếp các vướng mắc để UBNDTP giải quyết	30,4	40,9	28,7
11. Cơ chế "một cửa" trong cải cách hành chính của TP	20,7	39,7	39,7

3. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của CSCN đến việc hỗ trợ nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCNVN

Kết quả nghiên cứu đã phản ánh về cơ bản hiệu quả tác động của chính sách công nghiệp hiện nay đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCN Việt Nam nói chung, DNCN trên địa bàn Hải Phòng nói riêng và là một căn cứ thực tiễn quan trọng để bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện chính sách công nghiệp nhằm đáp ứng được yêu cầu phát triển của DNCN trong hội nhập kinh tế quốc tế, chúng tôi xin đề xuất một số giải pháp cơ bản sau đây:

Một là, xây dựng môi trường kinh doanh đảm bảo cho các DNCN hoạt động sản xuất – kinh doanh bình đẳng với chi phí thấp nhất có thể, trong đó cần tập trung vào một số nội dung cơ bản như: hoàn thiện hệ thống pháp luật (chưa có Luật DN và Luật Đầu tư chung...); đẩy nhanh công tác cải cách thủ tục hành chính, triển khai có hiệu quả Luật Cạnh tranh và công tác đổi mới phát triển

DNVN trong thực tế, và xây dựng thị trường các yếu tố sản xuất (thị trường tài chính, lao động, nguyên vật liệu...) và coi đây là những mục tiêu quan trọng hàng đầu cần đạt được của CSCN hiện nay và trong tương lai cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đây là những yếu tố có tác động nhất đến việc nâng cao khả năng cạnh tranh của DNCN hiện nay.

Một vấn đề quan trọng khác là cần có sự đổi mới quy trình xây dựng CSCN cho phù hợp với điều kiện cạnh tranh khu vực và quốc tế hiện nay. Đó là có sự tham gia một cách tích cực và đầy đủ hơn của các DNCN và các nhà khoa học trong suốt quá trình hoạch định và thực thi CSCN. Trong đó có nội dung quan trọng nhất là vấn đề xác định được nội dung cần tác động của CSCN tại thị trường mục tiêu cụ thể, trước khi được thể chế hóa bằng các quy định hành chính hiện hành để ban hành CSCN. Thị trường mục tiêu của CSCN được hiểu đó là một ngành hay một sản phẩm công nghiệp nào đó. Ví dụ như ngành công nghiệp đóng tàu hay sản phẩm

động cơ điện... hoặc đó là thị trường mục tiêu **hay tiềm năng** của DNCN cần có sự tác động **hay hỗ trợ** của CSCN để đạt được mục tiêu của quốc gia hay của bản thân các DNCN.

Hai là, chính sách công nghiệp cần tập trung hỗ trợ việc nâng cao hiệu quả của một số yếu tố cơ bản tạo nên khả năng cạnh tranh của DNCN trong hội nhập kinh tế quốc tế⁽¹⁰⁾ như: (1) Nâng cao chất lượng sản phẩm (48,2%); (2) Hỗ trợ tăng cường tiềm lực tài chính (46,7%); (3) Hạ giá thành sản phẩm (40,9%); (4) Xây dựng thương hiệu (30,7%); và (5) Giữ vững thị trường mục tiêu (29,2%).

Ba là, phát huy một cách thiết thực có hiệu quả chức năng định hướng cho DNCN nâng cao khả năng cạnh tranh, CSCN cần thực hiện một số giải pháp sau:

+ *Ở cấp quốc gia:* (1). Hoàn thiện hệ thống pháp luật với một số biện pháp cụ thể như bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chống làm hàng giả (95,9%), tư vấn và phổ biến kịp thời chính sách, pháp luật (96,1%), minh bạch các thủ tục hành chính (94,6%)...;

(2). Hỗ trợ phát triển thị trường và thông tin thị trường với một số biện pháp: hỗ trợ quảng bá và xây dựng thương hiệu của DN và phát triển thị trường và xúc tiến thương mại (95,8%), cung cấp thông tin thị trường (95,1%)...;

(3). Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: hỗ trợ đào tạo lao động có trình độ cao (98,4%), chế độ thu hút và sử dụng nhân tài (96,8%)...;

(4). Nâng cao hiệu quả tài chính DNCN với các biện pháp như: hỗ trợ vốn vay và lãi suất và cải cách thủ tục vay vốn (96%), tư vấn các chính sách tài chính - tiền tệ (94,2%)...;

(5) Nâng cao trình độ về công nghệ: tư vấn lựa chọn công nghệ (91,4%), cung cấp thông tin dự báo chuyên đề về công nghệ (88,2%)...;

(6). Cải thiện hệ thống giao thông, cung cấp điện (96,8%).

+ *Đối với Hải Phòng*, chính sách công nghiệp cần tập trung vào một số biện pháp nhằm tăng tính hấp dẫn thu hút đầu tư của các DNCN và góp phần nâng cao hiệu quả tài chính của DNCN là:

(1). Công bố công khai quy hoạch chi tiết và thực thi luật pháp nghiêm minh, nhất quán và cải cách thủ tục hành chính về địa chính, đất đai (97,7%);

(2). Xây dựng hệ thống trách nhiệm của bộ máy công chức và hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực (96,1%);

(3). Hỗ trợ lãi suất khi vay vốn đầu tư (95,6%) và

(4). Hỗ trợ các DN xây dựng thương hiệu./.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Niên giám thống kê 2003, Nxb Thống kê - Hà Nội - 2004
2. Thực trạng DN qua kết quả điều tra năm 2001, 2002, 2003, Nxb Thống kê - 2004
3. Một số kết quả thu được từ điều tra thực tiễn của tác giả.
4. Báo Công nghiệp Việt Nam, số 411, ngày 5-5-2004
5. Tổng quan về cạnh tranh công nghiệp Việt Nam - Nxb Chính trị quốc gia - 1999.
6. Chính sách công nghiệp và thương mại của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, Nxb Thanh Hóa - 2004.
7. Hội thảo "Xây dựng năng lực cạnh tranh Việt Nam", VCCI - USAID - J.E.Austin Associates, Inc, Hải Phòng ngày 19-3-2002.
8. Kết quả điều tra DN năm 2001-2004 TP Hải Phòng, Cục thống kê Hải Phòng - 2004.
9. Niên giám thống kê thành phố Hải Phòng 2000 - 2003, Nxb Thống kê - 2004.
10. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII, IX và các nghị quyết có liên quan.